TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Ông Nguyễn Viết Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1997 tại xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Vi Văn Đ sinh năm 1972

Trú tại: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

+ Chị Trương Thị S, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Chu Văn T, anh Hoàng Minh U, anh Hoàng Văn E.

- *Người chứng kiến:* Anh Hoàng Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N thực hiện nhiệm vụ huấn luyện diễn tập phòng thủ theo lệnh của Ban Chỉ huy quân sự huyện V, địa điểm tập chung tại thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái từ ngày 11/5/2019. Trong thời gian huấn luyện diễn tập, do vi phạm kỷ luật nên Ban Chỉ huy quân sự huyện V ra Quyết định miễn nhiệm, trả về địa phương kể từ 16 giờ 30 phút, ngày 14/5/2019, do chưa trả được quân tư trang nên tối ngày 14/5/2019 N vẫn ở lại lán trại khu vực diễn tập. Khoảng 21 giờ ngày 14/5/2019 N mượn xe mô tô của anh Hoàng Văn E trú tại thôn K, xã A, huyện V để đi từ khu vực diễn tập ra thị trấn M, huyện V chơi. Khi đi N có rủ anh Chu Văn T trú tại thôn H, xã T, huyện V đi cùng. N điều khiển xe chở anh T ngồi sau, khi đi đến nhà anh Vi Văn Đ ở thôn L xã A thì dừng xe, anh T xuống xe và đứng ở ven đường gọi điện thoại, còn N đi xe vào nhà anh Đ, nói chuyện với vợ anh Đ là chị Trương Thị S về việc nhờ mua hộ thịt gà sau đó N đi ra đường và chở anh T tiếp tục đi ra thị trấn M chơi. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày N chở anh T từ thị trấn M về khu vực diễn tập, khi đi qua nhà anh Đ khoảng 200m, N dừng xe bảo anh T đứng đợi ở đó còn N đi bộ vào nhà anh Đ với mục đích để dặn lại việc mua hộ gà. Đến nơi N thấy nhà anh Đ đã đóng cửa đi ngủ, N nhìn thấy chiếc chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA của gia đình anh Đ để dưới gầm nhà sàn, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá điện, N đi đến chỗ để xe mô tô mở khoá điện thì thấy vẫn mở được nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để bán. Quan sát xung quanh không thấy có người nên N gọi điện cho anh T bảo anh T cứ đi xe của anh E về trước còn N sẽ về sau. N đợi cho anh T nổ máy xe đi được một lúc thì dắt xe của gia đình anh Đ ra ngoài, khi cách cổng nhà anh Đ khoảng 20m thì mở khoá điện nổ máy xe đi về quán nhà anh B tại thôn L, xã A, huyện V, N cất giấu chiếc xe vào góc sân nhà anh B chờ cơ hội mang đi bán. Sau đó N đi vào trong quán ăn mỳ tôm cùng với anh T xong cả hai đi về lán trại khu vực diễn tập phòng thủ ngủ để sáng hôm sau N trả quân tư trang.

Khoảng 6 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2019 anh Đ phát hiện xe bị mất và có nghi ngờ N có liên quan và đi tìm N để hỏi về chiếc xe thì N trả lời không biết. Do sợ bị phát hiện nên N gọi điện, nhắn tin nhờ anh Hoàng Minh U ở cùng xã với N, hiện đang thực hiện nhiệm vụ huấn luyện diễn tập tại thôn L, xã A để nhờ anh U đem xe đi trả cho anh Đ nhưng anh U không đồng ý và báo cáo lại sự việc cho Ban Chỉ huy.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 Công an huyện Văn Yên đã thu giữ chiếc xe do N trộm cắp của vợ chồng anh Đ, ngày 06 tháng 6 năm 2019 công an huyện Văn Yên đã trả lại chiếc xe cho anh Đ.

Kết luận định giá tài sản số 13/ĐGTS-HĐĐG ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Yên kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA. Giá trị tại thời điểm ngày 15/5/2019 là 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đồng.

Cáo trạng số: 32/CT-VKS-VY ngày 08/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã

khai tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bộ bị cáo Nguyễn Văn Nam phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại gia đình anh Vi Văn Đ thuộc thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, trị giá 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đồng của vợ chồng anh Vi Văn Đ và chị Trương Thị S để tại gầm nhà sàn. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của vợ chồng anh Đ, chị S mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm, do cần có tiền chi tiêu cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết sau: Bị cáo đã nhờ anh rể là Trần Văn H bồi thường thiệt hại cho vợ chồng anh Đ, chị S; tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã kịp thời thu hồi ngay trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; đây là lần đầu bị cáo phạm tội và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống ở địa phương luôn chấp hành tốt quy định của địa phương, nơi cư trú. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng chế định theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Vi Văn Đ, chị Trương Thị S đã nhận lại chiếc xe mô tô do bị cáo đã chiếm đoạt và số tiền bồi thường 1.000.000 (một triệu) đồng. Nay không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Bị hai;
- THAHS + DS;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt Hà